

KI-LÔ-MÉT

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài ki-lô-mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.
- Thực hiện được việc ước lượng bằng quãng đường khoảng 1 km.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề đơn giản với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét.
- Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị ki-lô-mét và mét để chuyển đổi đơn vị đo.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV: Hình vẽ dùng cho bài học, bài luyện tập 2 và bài khám phá (nếu cần), bản đồ Việt Nam, đặc biệt chuẩn bị dữ liệu cho bài thực hành 4 (ví dụ: quãng đường từ trường rẽ trái đến ... dài 1 km; quãng đường từ trường rẽ phải đến ... dài 1 km), các bảng con ghi số đo theo bài thực hành 2 (1 số / bảng).

HS: Ghi nhận những số liệu khi thực hiện hoạt động thực tế của bài mét.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi: BẮN TÊN

GV: Bắn tên, bắn tên.

HS: Tên gì, tên gì?

GV: Tên A, tên A.

HS A: Thừa cô / thầy, có em.
GV: Cô muốn biết chiều dài cái giường của em.
HS A: 2 m, 2 m.
HS A: Bán tên, bán tên.
HS: Tên gì, tên gì?
HS A: Tên B, tên B.
HS B: Có tôi đây, có tôi đây.
HS A: Tôi muốn biết chiều dài cái bàn của bạn.
HS B: Hơn 1 m, hơn 1 m.
HS B: Bán tên, bán tên.

...

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm bốn (nhóm sáu, hoặc chơi theo tổ, ...).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Nhu cầu xuất hiện đơn vị đo

GV chỉ ra vật cần đo: đoạn đường từ trường về nhà em (hay từ nhà em đến trường) dài hơn, dài bằng hay ngắn hơn 1 000 m? (nếu ngắn hơn 1 000 m thì GV có thể hỏi thêm số đo cụ thể).

– Yêu cầu: HS chọn đơn vị đo cho phù hợp.

Ví dụ: Đo những đoạn đường dài hơn 1 000 m.

+ Dùng bước chân → sẽ không thể đo được chính xác.

+ Dùng thước đo theo đơn vị mét sẽ rất mất công.

...

– GV nêu nhu cầu xuất hiện đơn vị đo mới: Muốn đo được những con đường, ta phải sử dụng một đơn vị đo mới lớn hơn mét để thuận tiện khi đo.

2. Giới thiệu đơn vị đo

– Tên gọi: Đơn vị đo mới đó chính là ki-lô-mét.

Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài (cả thế giới đều dùng). HS đọc: ki-lô-mét (nhiều lần).

– **Kí hiệu:** viết tắt là km, đọc là ki-lô-mét.

- GV cho HS mở SGK (hoặc treo tranh) cho HS quan sát hai cột mốc cây số, và giới thiệu: khoảng cách (trong thực tế) giữa hai cột mốc này là 1 km.

- GV giới thiệu $1 \text{ km} = 1 000 \text{ m}$ $1 000 \text{ m} = 1 \text{ km}$ (HS lặp lại nhiều lần).

3. Thực hành

Bài 1: Tập viết số đo theo ki-lô-mét

GV viết số đo lên bảng – HS nhận xét cách viết.

Ví dụ: 1 km → viết số “1” cách một con chữ o viết chữ “km”.

→ HS viết trên bảng trên con 1 km → đọc: một ki-lô-mét.

GV đọc – HS viết bảng con.

Ví dụ: 5 km; 61 km; 1 000 km; ...

Bài 2: Đọc các số đo theo các đơn vị đo độ dài

GV đưa lần lượt đưa băng ghi các số đo sau cho HS đọc (cá nhân – tổ – lớp)

17 cm

8 dm

5 m

92 km

Bài 3: Ôn tập về độ lớn của xăng-ti-mét, đề-xi-mét và mét

HS (nhóm bốn), **nhận biết** yêu cầu, thay nhau đo.

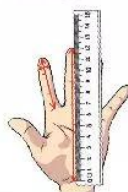
Lưu ý HS:

– Đặt thước: **Vạch 0** của thước trùng với cổ tay (khi đo bàn tay); trùng với một đầu ngón tay trỏ (khi đo sải tay)

– **Cầm** thước: Các số ở phía trên, số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

a) Đo bàn tay em

– HS đặt thước thẳng để đo bàn tay.



b) So sánh **độ dài** của sải tay em với **1 m**

Sử dụng các từ: dài hơn, ngắn hơn, dài bằng để diễn tả.



Bài 4: Nhận biết độ lớn của 1 km

GV **nói**: Quảng trường từ cổng trường rẽ trái đến chợ (hoặc công viên, ngã tư, ...) dài 1 km.

GV **nói** tiếp: Quảng trường từ cổng trường rẽ phải đến trường mầm non (hoặc công viên, ngã tư, ...) dài 1 km.

GV lưu ý cung cấp số liệu chính xác vì HS sẽ (cùng với PH) kiểm tra trên đường đi học (hay về nhà).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– Nhóm hai HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**
- Tìm thế nào? (chuyển đổi đơn vị đo)

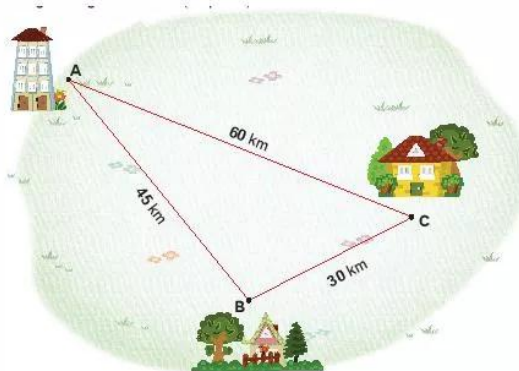
– Khi sửa bài, khuyến khích HS **ghi nhớ** những số đo này.

GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho HS điền/nói theo trí nhớ).

Bài 2:

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (Quãng đường từ A đến C đi qua B là đường gấp khúc gồm: quãng đường AB và quãng đường BC. Quãng đường từ A đến C không đi qua B là đường thẳng.)



- Bài toán yêu cầu gì? (HS đọc yêu cầu của bài toán).
 - HS thực hiện nhóm bốn: **Thảo luận** và **làm bài**.
- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.
- HS **trình bày**, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm (kết hợp với tranh vẽ).

Bài 3:

- Tìm hiểu bài:
 - **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (Bản đồ Việt Nam có ghi chú các quãng đường đi từ tỉnh này đến tỉnh khác)
 - Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán)
 - a) – **Quan sát** mẫu, **tìm** cách làm.
- GV yêu cầu HS đọc thông tin: Đoạn đường đi từ Hà Nội đến Cao Bằng dài 285 km.
GV yêu cầu HS tìm thông tin trên bản đồ: khoảng cách Hà Nội – Cao Bằng là ? km.
- b) HS xác định vị trí các tỉnh trên bản đồ, dựa vào đó để trả lời câu hỏi.
- HS **làm bài** cá nhân rồi chia sẻ với bạn.
 - Khi sửa bài, khuyến khích HS vừa **nói**, vừa **chỉ vào** bản đồ.

Khám phá

GV treo hình lên và hỏi:

Trong hình có gì? (đoạn đường có xe chạy, lề đường có cột mốc)

Trên cột mốc ghi gì? (Biên Hoà, 408 km)

Bạn Ông nói gì? (Còn 408 km mới đến Biên Hoà)



Còn 408 km
nữa mới đến
Biên Hoà.



GV **giải thích**: Đoạn đường từ cột mốc này đến Biên Hoà dài 408 km, cũng có nghĩa là cột mốc này còn cách Biên Hoà 408 km.

Đặt nước em

GV giới thiệu: **Biên Hoà** là một thành phố công nghiệp của tỉnh Đồng Nai, thuộc vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam.

GV giúp HS xác định tỉnh Đồng Nai trên bản đồ Việt Nam (SGK trang 114).

CÙNG CHƠI

GV có thể cho HS chơi: ĐỐ BẠN.

Mỗi HS viết một số đo theo ki-lô-mét vào bảng con để chơi.

GV: Đố bạn, đố bạn.

HS: Đố gì, đố gì?

GV đưa bảng của mình ra và nói: Số này đọc thế nào?

Ví dụ: 108 km.

HS: Một trăm linh tám ki-lô-mét.

(HS có thể chơi theo nhóm bốn, hoặc HS thay nhau lên điều khiển lớp chơi).